

Số: /2023/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2022 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới (2023 - 2025), thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách và Nghị quyết này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phần I Phụ lục 01 như sau:

a) Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%:

- Sửa đổi, bổ sung điểm 1.7 khoản 1 mục I: “1.7. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do Cục Thuế, cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc thu nộp”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm 1.8 khoản 1 mục I: “1.8. Thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do cơ quan cấp tỉnh quản lý, sử dụng; ghi thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước (dự án do nhà đầu tư thực hiện); thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư do ngân sách tỉnh đầu tư; thu công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quyết định”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm 1.13 khoản 1 mục I: “1.13. Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản (phần ngân sách địa phương được hưởng)”.

b) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện:

Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 mục I: “2.2. Thu giao đất có thu tiền sử dụng đất từ dự án do nhà đầu tư thực hiện (sau khi trừ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp) và dự án từ nguồn ngân sách tỉnh do tỉnh quyết định đầu tư (sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư)”.

c) Các khoản thu ngân sách cấp huyện được hưởng 100%:

Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 mục II: “2.4. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do Chi cục Thuế, cơ quan cấp huyện quản lý hoặc thu nộp”.

d) Các khoản thu ngân sách cấp xã được hưởng 100%

- Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1 khoản 2 mục III: “2.1. Thuế giá trị gia tăng từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (phát sinh trên địa bàn các huyện do các xã, thị trấn nộp); thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do các xã, phường, thị trấn nộp”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 mục III: “2.4. Thu từ các khoản phí, lệ phí: phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cơ quan cấp xã quản lý hoặc thu nộp”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 11, 12, 17 tại Phụ lục 02 (*chi tiết tại Biểu kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

BIỂU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC 02: TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố			Các huyện còn lại				
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
	THU NỘI ĐỊA								
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh								
3.1	Thuế giá trị gia tăng								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100			100				
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp	50	50			100			
-	Do các phường thu nộp	50	50						
-	Do thị trấn thu nộp						100		
-	Do các xã thu nộp	50	50					100	
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100			100				
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp	50	50			100			
3.3	Thuế tài nguyên + Thuế tiêu thụ đặc biệt								
-	Do Cục Thuế thu nộp	100			100				
-	Do Chi Cục Thuế thu nộp		100			100			
-	Do các xã, phường, thị trấn thu nộp			100	100		100	100	
11	Thu phí và lệ phí								
11.1	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn							
11.2	Các khoản phí, lệ phí còn lại								
-	Cục Thuế, cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc thu nộp	100			100				
-	Chi cục Thuế, cơ quan cấp huyện quản lý hoặc thu nộp		100			100			
-	Do các phường quản lý hoặc thu nộp			100					
-	Do các thị trấn quản lý hoặc thu nộp						100		
-	Do các xã quản lý hoặc thu nộp				100			100	

STT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố			Các huyện còn lại				
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
12	Thu tiền sử dụng đất								
12.1	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất								
-	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan cấp tỉnh quản lý, sử dụng	100			100				
-	Thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan cấp huyện quản lý, sử dụng		100			100			
12.2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất thực hiện dự án								
a	Dự án do nhà đầu tư thực hiện								
-	Quỹ đất tái định cư (sau khi trừ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp)	50	50		50	50			
-	Quỹ đất còn lại (sau khi trừ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp)	80	20		90	10			
-	Ghi thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã tự nguyện ứng trước	100			100				
b	Dự án từ nguồn ngân sách tỉnh do tỉnh quyết định đầu tư (sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư)								
-	Quỹ đất tái định cư	50	50		50	50			
-	Quỹ đất còn lại	80	20		90	10			
c	Dự án từ nguồn ngân sách huyện, thành phố		100			100			
	Trường hợp dự án đầu tư từ nguồn ngân sách cấp huyện và có sử dụng nguồn ngân sách cấp tỉnh thực hiện phân chia sau khi trừ kinh phí ngân sách tỉnh đầu tư		100			100			
d	Thu tiền sử dụng đất tương ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chi phí đầu tư do ngân sách tỉnh đầu tư	100			100				
12.3	Công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất								
-	Cấp tỉnh quyết định	100			100				

STT	Nội dung các khoản thu phân chia	TỶ LỆ PHÂN CHIA TRÊN TỪNG ĐỊA BÀN (%)							
		Thành phố				Các huyện còn lại			
		Tỉnh	Thành phố			Tỉnh	Huyện		
			Thành phố	Phường	xã		Huyện	Thị trấn	xã
-	Cấp huyện quyết định		100				100		
17	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100				100			